Sở Tài chính
Tỉnh Quảng Trị
01.06.2022 16:17:18 +07:00

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1882 /STC-QLG&CS

Quảng Trị, ngày 01 tháng 6 năm 2022

V/v Đề nghị đăng tải thông tin để lấy ý kiến góp ý văn bản quy phạm pháp luật (lần 2).

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Căn cứ các Nghị định: Số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013, số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016, số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ; Các Thông tư: Số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2021, số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016, số 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 và số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 473/UBND-TCTM ngày 09/02/2022 về việc hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã chỉnh sửa, hoàn thiện việc xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh về việc quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Dự thảo Quyết định để các cơ quan, tổ chức và cá nhân góp ý kiến (lần 2).

(Dự thảo Quyết định kèm theo)

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, hỗ trợ thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLG&CS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Anh Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2022/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/ 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ……./…./2022 và thay thế các Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, địa phương;
- Trung tâm Thông tin - Công báo (đưa tin);
- Lưu: VT, TM (...).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

SỞ TÀI CHÍNH TRÌNH KÝ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm: Bình ổn giá, định giá, đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, hiệp thương giá, thẩm định giá của nhà nước.

2. Những nội dung khác không quy định trong Quy định này, thực hiện theo quy định tại Luật Giá và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá (Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá)

2. Trường hợp thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

3. Các biện pháp bình ổn giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Giá và Điều 7 Nghị định 177/2013/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp áp dụng bình ổn giá tại địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

b) Sở Tài chính:

Trách nhiệm của Sở Tài chính trong việc thực hiện bình ổn giá được quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

c) Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm: Triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công; tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 4. Đăng ký giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ thuộc diện đăng ký giá thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

3. Cách thức thực hiện và quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

4. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trên địa bàn huyện.

5. Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

Điều 5. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá trên địa bàn tỉnh (Theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá), cụ thể:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.

b) Xi măng, thép xây dựng.

c) Than.

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.

e) Dịch vụ tại cảng biển.

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.

h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm.

i) Sách giáo khoa.

k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG).

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt.

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g (nếu có), điểm k (nếu có) và điểm m khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều này;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, l, m, n, o khoản 1 Điều này trên địa bàn huyện đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh;

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá;

3. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong kê khai giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính; riêng kê khai giá cước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải.

Điều 6. Hiệp thương giá, niêm yết giá

1. Hiệp thương giá

a) Trường hợp tổ chức hiệp thương giá, thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức hiệp thương giá, kết quả hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Luật Giá.

b) Hồ sơ hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

c) Trình tự tổ chức hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

2. Niêm yết giá

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật Giá, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 7. Hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc xây dựng, thẩm định, trình phương án giá đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính

1.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

1.2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

b) Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, đơn giá cho thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê mặt nước;

c) Bảng giá tính thuế tài nguyên;

d) Bảng giá làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với nhà;

đ) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển;

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính (hoặc Hội đồng thẩm định giá đất cấp tỉnh) thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh; giá đất cụ thể.

b) Hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

c) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

d) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá rừng, bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do tỉnh quản lý.

c) Đơn giá bồi thường, cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

d) Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

e) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Xây dựng chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

c) Đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, các tài sản khác gắn liền với đất và di chuyển mồ mả khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

d) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Giao thông vận tải chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

b) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

d) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nước sạch xây dựng phương án giá nước sạch sinh hoạt gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp phép trông giữ xe và được thu giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Trị xây dựng phương án gửi UBND huyện, thị xã, thành phố (nơi có hoạt động trông giữ xe) để tổng hợp, xây dựng phương án giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn gửi Sở Tài chính thẩm định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh. Bao gồm:

a) Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

8. Các Sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Chủ trì xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý được cấp có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp cùng Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan thực hiện thẩm định phương án giá theo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Thẩm định giá của nhà nước

1. Các trường hợp tài sản công thẩm định giá được quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

2. Trường hợp mua sắm tài sản công có giá trị lớn (điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP) sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá mà cần phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định như sau:

a) Khi mua tài sản một lần có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

b) Tài sản mua sắm thuộc đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đối với phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

3. Trường hợp cần thiết thành lập Hội đồng thẩm định giá để thẩm định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định giá của Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 10. Phân công trách nhiệm thẩm định giá nhà nước

1. Đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 9:

a) Sở Tài chính thẩm định giá theo yêu cầu hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản công từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định giá theo yêu cầu hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản công từ nguồn ngân sách cấp huyện, xã.

2. Đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 9:

2.1. Trường hợp tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách cấp tỉnh:

a) Sở Tài chính thực hiện thẩm định giá đối với tài sản khi mua một lần có tổng giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; Tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 quy định này.

b) Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh thẩm định giá đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 quy định này, của đơn vị mình và đơn vị trực thuộc (trừ các trường hợp do Sở Tài chính thẩm định giá).

2.2. Trường hợp tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách cấp huyện, xã: Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thực hiện thẩm định giá.

2.3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định giá việc mua sắm tài sản khi mua tài sản một lần có tổng giá trị dưới 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.